

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Phạm Duy Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Danh-Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị K, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K- Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ trụ sở làm việc: Số 63 đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

* *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị K, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông K có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/6/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị K trình bày:*

Chị K và anh N kết hôn vào ngày 11/7/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Chị K và anh N đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: chị K và anh N có 02 người con chung tên là Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 04/10/2015, Phạm Đình Q, sinh ngày 01/4/2017, hiện cháu C đang sống cùng chị K, cháu Q đang sống cùng anh N. Khi ly hôn chị K yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thị Mỹ C và đồng ý giao cháu Phạm Đình Q cho anh N nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Văn N trình bày:*

Điều kiện kết hôn và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị K và anh N đúng như chị K đã trình bày, nay chị K yêu cầu được ly hôn với anh N thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh N và chị K có 02 người con chung đúng như chị K đã trình bày, anh N yêu cầu được nuôi cháu Phạm Đình Q, sinh ngày 01/4/2017 và đồng ý giao cháu Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 04/10/2015 cho chị K nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh N trình bày không có.

** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Tình cảm của chị K đối với anh N không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị K được ly hôn với anh N; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 04/10/2015 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Đình Q, sinh ngày 01/4/2017 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng; chị K, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: Chị K, anh N trình bày không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá

trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị K được ly hôn với anh Phạm Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 04/10/2015 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Đình Q, sinh ngày 01/4/2017 cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K, anh Phạm Văn N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Phạm Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Nguyên đơn chị K, bị đơn anh Phạm Văn N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Phạm Văn N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị K và anh N đều thừa nhận cuộc sống chung của anh, chị có mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chị K và anh N đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, phần ai nấy sống, điều đó chứng tỏ chị K và anh N đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị K yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị K yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 04/10/2015 và đồng ý giao cháu Phạm Đình Q, sinh ngày 01/4/2017 cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; anh N cũng đồng ý với yêu cầu của chị K. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu C cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Q cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị K, anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K, anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị K và anh Phạm Văn N.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Thị Mỹ C, sinh ngày 04/10/2015 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phạm Đình Q, sinh ngày 01/4/2017 cho anh Phạm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị K, anh Phạm Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị K phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) chị K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0005305 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2023), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ba Tiêu, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy